

Số: 200 /QĐ-UBND

Sơn La, ngày 24 tháng 01 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính  
được thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi  
chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 111 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng.*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 24/TTr-SXD ngày 21 tháng 01 năm 2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng, gồm có: 21 quy trình (trong đó 15 quy trình cấp tỉnh; 06 quy trình cấp huyện, thành phố).

*(Có Quy trình ban hành kèm theo)*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ các Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính tại Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 06 tháng 03 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục

thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thay thế trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- VNPT Sơn La;
- Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC, Tr.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đình Việt**



## PHỤ LỤC

**Quyết định nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng**

*Ban hành kèm theo Quyết định số 200 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)*

### **1. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng**

**a) Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (cơ quan thẩm định chỉ tổ chức thẩm định các nội dung của cơ quan chuyên môn về xây dựng); đối với các công trình dự án nhóm A.**

- Thời gian thực hiện: 35 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

| TT | Các bước trình tự thực hiện | Trách nhiệm                | Sản phẩm thực hiện                                                                                                                    | Thời gian thực hiện |
|----|-----------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| B1 | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ | Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng | Scan hồ sơ                                                                                                                            | 0,5 ngày            |
| B2 | Phòng Quản lý xây dựng      | Lãnh đạo phòng             | Ý kiến phân công thụ lý                                                                                                               | 0,5 ngày            |
|    |                             | Chuyên viên thụ lý hồ sơ   | Kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ, ban hành văn bản đề nghị cơ quan phối hợp tham gia thẩm định (nếu có); kiểm tra hồ sơ thiết kế cơ sở | 31,5 ngày           |
|    |                             | Lãnh đạo phòng             | Xét duyệt                                                                                                                             | 01 ngày             |

|                                 |                               |                            |                   |                |
|---------------------------------|-------------------------------|----------------------------|-------------------|----------------|
| B3                              | Xem xét và ký duyệt           | Lãnh đạo sở                | Kết quả thẩm định | 01 ngày        |
| B4                              | Thu phí lệ phí và trả kết quả | Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng | Trả kết quả       | 0,5 ngày       |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                               |                            |                   | <b>35 ngày</b> |

**b) Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (cơ quan thẩm định chỉ tổ chức thẩm định các nội dung của cơ quan chuyên môn về xây dựng); đối với các công trình dự án nhóm B**

- Thời gian thực hiện: 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

| TT | Các bước trình tự thực hiện | Trách nhiệm                | Sản phẩm thực hiện                                                                                                                                   | Thời gian thực hiện |
|----|-----------------------------|----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| B1 | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ | Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng | Scan hồ sơ                                                                                                                                           | 0,5 ngày            |
| B2 | Phòng Quản lý xây dựng      | Lãnh đạo phòng             | Ý kiến phân công thụ lý                                                                                                                              | 0,5 ngày            |
|    |                             | Chuyên viên thụ lý hồ sơ   | Kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ, ban hành văn bản đề nghị cơ quan phối hợp tham gia thẩm định (nếu có); kiểm tra hồ sơ kiểm tra hồ sơ thiết kế cơ sở | 16,5 ngày           |
|    |                             | Lãnh đạo phòng             | Xét duyệt                                                                                                                                            | 01 ngày             |

|                                 |                               |                            |                   |                |
|---------------------------------|-------------------------------|----------------------------|-------------------|----------------|
| B3                              | Xem xét và ký duyệt           | Lãnh đạo sở                | Kết quả thẩm định | 01 ngày        |
| B4                              | Thu phí lệ phí và trả kết quả | Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng | Trả kết quả       | 0,5 ngày       |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                               |                            |                   | <b>20 ngày</b> |

***c)Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng trường hợp các công trình dự án nhóm C***

- Thời gian thực hiện: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

| TT | Các bước trình tự thực hiện | Trách nhiệm                | Sản phẩm thực hiện                                                                                                                    | Thời gian thực hiện |
|----|-----------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| B1 | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ | Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng | Scan hồ sơ                                                                                                                            | 0,5 ngày            |
| B2 | Phòng Quản lý xây dựng      | Lãnh đạo phòng             | Ý kiến phân công thụ lý                                                                                                               | 0,5 ngày            |
|    |                             | Chuyên viên thụ lý hồ sơ   | Kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ, ban hành văn bản đề nghị cơ quan phối hợp tham gia thẩm định (nếu có); kiểm tra hồ sơ thiết kế cơ sở | 11,5 ngày           |
|    |                             | Lãnh đạo phòng             | Xét duyệt                                                                                                                             | 01 ngày             |

|                                 |                               |                            |                   |                |
|---------------------------------|-------------------------------|----------------------------|-------------------|----------------|
| B3                              | Xem xét và ký duyệt           | Lãnh đạo sở                | Kết quả thẩm định | 01 ngày        |
| B4                              | Thu phí lệ phí và trả kết quả | Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng | Trả kết quả       | 0,5 ngày       |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                               |                            |                   | <b>15 ngày</b> |

**2. Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở**

**a) Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt.**

- Thời gian thực hiện: 35 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

| TT | Các bước trình tự thực hiện | Trách nhiệm                | Sản phẩm thực hiện                                                                                                                              | Thời gian thực hiện |
|----|-----------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| B1 | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ | Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng | Scan hồ sơ                                                                                                                                      | 0,5 ngày            |
| B2 | Phòng Quản lý xây dựng      | Lãnh đạo phòng             | Ý kiến phân công thụ lý                                                                                                                         | 0,5 ngày            |
|    |                             | Chuyên viên thụ lý hồ sơ   | Kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ, ban hành văn bản đề nghị cơ quan phối hợp tham gia thẩm định (nếu có); kiểm tra hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công | 31,5 ngày           |
|    |                             | Lãnh đạo phòng             | Xét duyệt                                                                                                                                       | 01 ngày             |
| B3 | Xem xét và ký duyệt         | Lãnh đạo sở                | Kết quả thẩm định                                                                                                                               | 01 ngày             |

|                                 |                               |                            |             |                |
|---------------------------------|-------------------------------|----------------------------|-------------|----------------|
| B4                              | Thu phí lệ phí và trả kết quả | Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng | Trả kết quả | 0,5 ngày       |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                               |                            |             | <b>35 ngày</b> |

*b) Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở /điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở các công trình cấp II, cấp III*

- Thời gian thực hiện: 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

| TT                              | Các bước trình tự thực hiện   | Trách nhiệm                | Sản phẩm thực hiện                                                                                                                              | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------|-------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| B1                              | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ   | Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng | Scan hồ sơ                                                                                                                                      | 0,5 ngày            |
| B2                              | Phòng Quản lý xây dựng        | Lãnh đạo phòng             | Ý kiến phân công thụ lý                                                                                                                         | 0,5 ngày            |
|                                 |                               | Chuyên viên thụ lý hồ sơ   | Kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ, ban hành văn bản đề nghị cơ quan phối hợp tham gia thẩm định (nếu có); kiểm tra hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công | 16,5 ngày           |
|                                 |                               | Lãnh đạo phòng             | Xét duyệt                                                                                                                                       | 01 ngày             |
| B3                              | Xem xét và ký duyệt           | Lãnh đạo sở                | Kết quả thẩm định                                                                                                                               | 01 ngày             |
| B4                              | Thu phí lệ phí và trả kết quả | Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng | Trả kết quả                                                                                                                                     | 0,5 ngày            |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                               |                            |                                                                                                                                                 | <b>20 ngày</b>      |

***c) Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở /điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với các công trình còn lại***

- Thời gian thực hiện: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

| TT                              | Các bước trình tự thực hiện    | Trách nhiệm                | Sản phẩm thực hiện                                                                                                                              | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------|--------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| B1                              | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ    | Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng | Scan hồ sơ                                                                                                                                      | 0,5 ngày            |
| B2                              | Phòng Quản lý xây dựng         | Lãnh đạo phòng             | Ý kiến phân công thụ lý                                                                                                                         | 0,5 ngày            |
|                                 |                                | Chuyên viên thụ lý hồ sơ   | Kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ, ban hành văn bản đề nghị cơ quan phối hợp tham gia thẩm định (nếu có); kiểm tra hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công | 11,5 ngày           |
|                                 |                                | Lãnh đạo phòng             | Xét duyệt                                                                                                                                       | 01 ngày             |
| B3                              | Xem xét và ký duyệt            | Lãnh đạo sở                | Kết quả thẩm định                                                                                                                               | 01 ngày             |
| B4                              | Thu phí, lệ phí và trả kết quả | Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng | Trả kết quả                                                                                                                                     | 0,5 ngày            |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                                |                            |                                                                                                                                                 | <b>15 ngày</b>      |

**3. Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyến/ Theo tuyến trong đô thị/ Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài tranh hoành tráng/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/ Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/ Dự án)**

- Thời gian thực hiện: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

| TT                              | Các bước trình tự thực hiện | Trách nhiệm                | Sản phẩm thực hiện      | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------|-----------------------------|----------------------------|-------------------------|---------------------|
| B1                              | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ | Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng | Scan hồ sơ              | 0,5 ngày            |
| B2                              | Phòng Quản lý xây dựng      | Lãnh đạo phòng             | Ý kiến phân công thụ lý | 0,5 ngày            |
|                                 |                             | Chuyên viên thụ lý hồ sơ   | Dự thảo văn bản         | 06 ngày             |
|                                 |                             | Lãnh đạo phòng             | Phê duyệt               | 01 ngày             |
| B3                              | Xem xét và ký duyệt         | Lãnh đạo sở phụ trách      | Giấy phép               | 01 ngày             |
| B4                              | Lưu sổ và bàn giao          | Chuyên viên                | Scan giấy phép          | 0,5 ngày            |
| B5                              | Thu Lệ phí và trả kết quả   | Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng | Giấy phép               | 0,5 ngày            |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                             |                            |                         | <b>10 ngày</b>      |

**4. Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến /Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)**

- Thời gian thực hiện: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

| TT                              | Các bước trình tự thực hiện | Trách nhiệm                | Sản phẩm thực hiện      | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------|-----------------------------|----------------------------|-------------------------|---------------------|
| B1                              | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ | Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng | Scan hồ sơ              | 0,5 ngày            |
| B2                              | Phòng Quản lý xây dựng      | Lãnh đạo phòng             | Ý kiến phân công thụ lý | 0,5 ngày            |
|                                 |                             | Chuyên viên thụ lý hồ sơ   | Dự thảo văn bản         | 06 ngày             |
|                                 |                             | Lãnh đạo phòng             | Phê duyệt               | 01 ngày             |
| B3                              | Xem xét và ký duyệt         | Lãnh đạo sở phụ trách      | Giấy phép               | 01 ngày             |
| B4                              | Lưu sổ và bàn giao          | Chuyên viên                | Scan giấy phép          | 0,5 ngày            |
| B5                              | Thu Lệ phí và trả kết quả   | Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng | Giấy phép               | 0,5 ngày            |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                             |                            |                         | <b>10 ngày</b>      |

**5. Cấp giấy phép di dời công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)**

- Thời gian thực hiện: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

| TT                              | Các bước trình tự thực hiện | Trách nhiệm                | Sản phẩm thực hiện      | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------|-----------------------------|----------------------------|-------------------------|---------------------|
| B1                              | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ | Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng | Scan hồ sơ              | 0,5 ngày            |
| B2                              | Phòng Quản lý xây dựng      | Lãnh đạo phòng             | Ý kiến phân công thụ lý | 0,5 ngày            |
|                                 |                             | Chuyên viên thụ lý hồ sơ   | Dự thảo văn bản         | 06 ngày             |
|                                 |                             | Lãnh đạo phòng             | Phê duyệt               | 01 ngày             |
| B3                              | Xem xét và ký duyệt         | Lãnh đạo sở phụ trách      | Giấy phép               | 01 ngày             |
| B4                              | Lưu sổ và bàn giao          | Chuyên viên                | giấy phép               | 0,5 ngày            |
| B5                              | Thu Lệ phí và trả kết quả   | Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng | Giấy phép               | 0,5 ngày            |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                             |                            |                         | <b>10 ngày</b>      |

**6. Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/ Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)**

- Thời gian thực hiện: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

| TT                              | Các bước trình tự thực hiện | Trách nhiệm                | Sản phẩm thực hiện      | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------|-----------------------------|----------------------------|-------------------------|---------------------|
| B1                              | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ | Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng | Scan hồ sơ              | 0,5 ngày            |
| B2                              | Phòng Quản lý xây dựng      | Lãnh đạo phòng             | Ý kiến phân công thụ lý | 0,5 ngày            |
|                                 |                             | Chuyên viên thụ lý hồ sơ   | Dự thảo văn bản         | 06 ngày             |
|                                 |                             | Lãnh đạo phòng             | Phê duyệt               | 01 ngày             |
| B3                              | Xem xét và ký duyệt         | Lãnh đạo sở phụ trách      | Giấy phép               | 01 ngày             |
| B4                              | Lưu sổ và bàn giao          | Chuyên viên                | Scan giấy phép          | 0,5 ngày            |
| B5                              | Thu Lệ phí và trả kết quả   | Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng | Giấy phép               | 0,5 ngày            |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                             |                            |                         | <b>10 ngày</b>      |

**7. Gia hạn giấy phép xây dựng đối với cấp đặc biệt, cấp I, cấp II, (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)**

- Thời gian thực hiện: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

| TT                              | Các bước trình tự thực hiện | Trách nhiệm                | Sản phẩm thực hiện      | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------|-----------------------------|----------------------------|-------------------------|---------------------|
| B1                              | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ | Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng | Scan hồ sơ              | 0,25 ngày           |
| B2                              | Phòng Quản lý xây dựng      | Lãnh đạo phòng             | Ý kiến phân công thụ lý | 0,5 ngày            |
|                                 |                             | Chuyên viên thụ lý hồ sơ   | Dự thảo văn bản         | 2,75 ngày           |
|                                 |                             | Lãnh đạo phòng             | Phê duyệt               | 0,5 ngày            |
| B3                              | Xem xét và ký duyệt         | Lãnh đạo sở phụ trách      | Giấy phép               | 0,5 ngày            |
| B4                              | Lưu sổ và bàn giao          | Chuyên viên                | Scan giấy phép          | 0,25 ngày           |
| B5                              | Thu Lệ phí và trả kết quả   | Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng | Giấy phép               | 0,25 ngày           |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                             |                            |                         | <b>05 ngày</b>      |

**8. Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt cấp I, cấp II trong đô thị (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)**

- Thời gian thực hiện: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

| TT                              | Các bước trình tự thực hiện | Trách nhiệm                | Sản phẩm thực hiện      | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------|-----------------------------|----------------------------|-------------------------|---------------------|
| B1                              | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ | Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng | Scan hồ sơ              | 0,25 ngày           |
| B2                              | Phòng Quản lý xây dựng      | Lãnh đạo phòng             | Ý kiến phân công thụ lý | 0,5 ngày            |
|                                 |                             | Chuyên viên thụ lý hồ sơ   | Dự thảo văn bản         | 2,75 ngày           |
|                                 |                             | Lãnh đạo phòng             | Phê duyệt               | 0,5 ngày            |
| B3                              | Xem xét và ký duyệt         | Lãnh đạo sở phụ trách      | Giấy phép               | 0,5 ngày            |
| B4                              | Lưu sổ và bàn giao          | Chuyên viên                | Scan giấy phép          | 0,25 ngày           |
| B5                              | Thu Lệ phí và trả kết quả   | Bộ phận TN&TKQ Sở Xây dựng | Giấy phép               | 0,25 ngày           |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                             |                            |                         | <b>05 ngày</b>      |

### 9. Cấp mới chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng

- Thời gian giải quyết: Trả kết quả đánh giá hồ sơ (thông báo kết quả đánh giá hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề đủ/không đủ điều kiện sát hạch, thông báo thời điểm tổ chức thi sát hạch): 45 ngày kể từ ngày nộp hồ sơ.

- Thời gian giải quyết: Trả chứng chỉ hành nghề: 10 ngày kể từ ngày có kết quả sát hạch đạt yêu cầu;

| TT | Các bước trình tự thực hiện                | Trách nhiệm                               | Sản phẩm thực hiện                                                    | Thời gian thực hiện |
|----|--------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|---------------------|
| B1 | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ                | Bộ phận TN&TKQ Trung tâm phục vụ HCC tỉnh | Scan hồ sơ                                                            | 0,5 ngày            |
| B2 | Phòng Giám định xây dựng                   | Lãnh đạo phòng                            | Ý kiến phân công thụ lý                                               | 01 ngày             |
|    |                                            | Chuyên viên thụ lý hồ sơ                  | Tổng hợp hồ sơ; tổ chức họp xét đánh giá hồ sơ; các văn bản liên quan | 37 ngày             |
| B3 | Phê duyệt thông báo kết quả đánh giá hồ sơ | Lãnh đạo Sở                               | Thông báo kết quả đánh giá hồ sơ                                      | 01 ngày             |
| B4 | Bàn giao                                   | Chuyên viên                               | Thông báo kết quả đánh giá hồ sơ                                      | 0,5 ngày            |
| B5 | Phòng Giám định xây dựng                   | Chuyên viên                               | Thông báo thời gian, địa điểm sát hạch                                | 05 ngày             |
|    | <b>Thời gian thực hiện</b>                 | <b>45 ngày</b>                            |                                                                       |                     |
| B6 | Phòng Giám định xây dựng                   | Chuyên viên                               | Tổ chức thi sát hạch; xin cấp mã chứng chỉ; các văn bản liên quan     | 08 ngày             |
| B7 | Phê duyệt Chứng chỉ                        | Lãnh đạo Sở                               | Chứng chỉ                                                             | 01 ngày             |

|                                 |                           |                                           |                |                |
|---------------------------------|---------------------------|-------------------------------------------|----------------|----------------|
| B8                              | Bàn giao                  | Chuyên viên                               | Scan chứng chỉ | 0,5 ngày       |
| B9                              | Thu Lệ phí và trả kết quả | Bộ phận TN&TKQ Trung tâm phục vụ HCC tỉnh | Chứng chỉ      | 0,5 ngày       |
| <b>Thời gian thực hiện</b>      |                           |                                           |                | <b>10 ngày</b> |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                           |                                           |                | <b>55 ngày</b> |

#### 10. Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng

- Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

| TT | Các bước trình tự thực hiện | Trách nhiệm                               | Sản phẩm thực hiện      | Thời gian thực hiện |
|----|-----------------------------|-------------------------------------------|-------------------------|---------------------|
| B1 | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ | Bộ phận TN&TKQ Trung tâm phục vụ HCC tỉnh | Scan hồ sơ              | 0,5 ngày            |
| B2 | Phòng Giám định xây dựng    | Lãnh đạo phòng                            | Ý kiến phân công thụ lý | 0,5 ngày            |
|    |                             | Chuyên viên thụ lý hồ sơ                  | Các văn bản liên quan   | 2,5 ngày            |
| B3 | Phê duyệt Chứng chỉ         | Lãnh đạo Sở                               | Chứng chỉ               | 0,5 ngày            |
| B4 | Bàn giao                    | Chuyên viên                               | Scan chứng chỉ          | 0,5 ngày            |
| B5 | Thu Lệ phí và trả kết quả   | Bộ phận TN&TKQ Trung tâm phục vụ HCC tỉnh | Chứng chỉ               | 0,5 ngày            |

|                                 |  |                |
|---------------------------------|--|----------------|
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |  | <b>05 ngày</b> |
|---------------------------------|--|----------------|

**11. Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề của cá nhân là người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư tại nước ngoài**

*- Thời gian giải quyết: 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.*

| <b>TT</b>                       | <b>Các bước trình tự thực hiện</b> | <b>Trách nhiệm</b>                        | <b>Sản phẩm thực hiện</b>                   | <b>Thời gian thực hiện</b> |
|---------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------|
| B1                              | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ        | Bộ phận TN&TKQ Trung tâm phục vụ HCC tỉnh | Scan hồ sơ                                  | 0,5 ngày                   |
| B2                              | Phòng Giám định xây dựng           | Lãnh đạo phòng                            | Ý kiến phân công thụ lý                     | 01 ngày                    |
|                                 |                                    | Chuyên viên thụ lý hồ sơ                  | Các văn bản liên quan; xin cấp mã chứng chỉ | 21,5 ngày                  |
| B3                              | Phê duyệt Chứng chỉ                | Lãnh đạo Sở                               | Chứng chỉ                                   | 01 ngày                    |
| B4                              | Bàn giao                           | Chuyên viên                               | Scan chứng chỉ                              | 0,5 ngày                   |
| B5                              | Thu Lệ phí và trả kết quả          | Bộ phận TN&TKQ Trung tâm phục vụ HCC tỉnh | Chứng chỉ                                   | 0,5 ngày                   |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                                    |                                           |                                             | <b>25 ngày</b>             |

**12. Cấp mới chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng**

*- Thời gian giải quyết: 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.*

| TT                              | Các bước trình tự thực hiện | Trách nhiệm                               | Sản phẩm thực hiện                          | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------|-----------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|
| B1                              | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ | Bộ phận TN&TKQ Trung tâm phục vụ HCC tỉnh | Scan hồ sơ                                  | 0,5 ngày            |
| B2                              | Phòng Giám định xây dựng    | Lãnh đạo phòng                            | Ý kiến phân công thụ lý                     | 01 ngày             |
|                                 |                             | Chuyên viên thụ lý hồ sơ                  | Các văn bản liên quan; xin cấp mã chứng chỉ | 16,5 ngày           |
| B3                              | Phê duyệt Chứng chỉ         | Lãnh đạo Sở                               | Chứng chỉ                                   | 01 ngày             |
| B4                              | Bàn giao                    | Chuyên viên                               | Scan chứng chỉ                              | 0,5 ngày            |
| B5                              | Thu Lệ phí và trả kết quả   | Bộ phận TN&TKQ Trung tâm phục vụ HCC tỉnh | Chứng chỉ                                   | 0,5 ngày            |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                             |                                           |                                             | <b>20 ngày</b>      |

### 13. Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng

- Thời gian giải quyết: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

| TT | Các bước trình tự thực hiện | Trách nhiệm                               | Sản phẩm thực hiện | Thời gian thực hiện |
|----|-----------------------------|-------------------------------------------|--------------------|---------------------|
| B1 | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ | Bộ phận TN&TKQ Trung tâm phục vụ HCC tỉnh | scan hồ sơ         | 0,5 ngày            |

|                                 |                           |                                           |                         |                |
|---------------------------------|---------------------------|-------------------------------------------|-------------------------|----------------|
| B2                              | Phòng Giám định xây dựng  | Lãnh đạo phòng                            | Ý kiến phân công thụ lý | 01 ngày        |
|                                 |                           | Chuyên viên thụ lý hồ sơ                  | Các văn bản liên quan   | 6,5 ngày       |
| B3                              | Phê duyệt Chứng chỉ       | Lãnh đạo Sở                               | Chứng chỉ               | 01 ngày        |
| B4                              | Bàn giao                  | Chuyên viên                               | Scan chứng chỉ          | 0,5 ngày       |
| B5                              | Thu Lệ phí và trả kết quả | Bộ phận TN&TKQ Trung tâm phục vụ HCC tỉnh | Chứng chỉ               | 0,5 ngày       |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                           |                                           |                         | <b>10 ngày</b> |

#### 14. Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài

- Thời gian giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

| TT | Các bước trình tự thực hiện | Trách nhiệm                               | Sản phẩm thực hiện      | Thời gian thực hiện |
|----|-----------------------------|-------------------------------------------|-------------------------|---------------------|
| B1 | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ | Bộ phận TN&TKQ Trung tâm phục vụ HCC tỉnh | Scan hồ sơ              | 0,5 ngày            |
| B2 | Phòng Giám định xây dựng    | Lãnh đạo phòng                            | Ý kiến phân công thụ lý | 01 ngày             |
|    |                             | Chuyên viên thụ lý hồ sơ                  | Các văn bản liên quan   | 11,5 ngày           |
| B3 | Ký duyệt                    | Giám đốc Sở                               | Quyết định              | 01 ngày             |
| B4 | Lưu sổ và bàn giao          | Chuyên viên                               | Scan quyết định         | 0,5 ngày            |

|                                 |                           |                                           |            |                |
|---------------------------------|---------------------------|-------------------------------------------|------------|----------------|
| B5                              | Thu Lệ phí và trả kết quả | Bộ phận TN&TKQ Trung tâm phục vụ HCC tỉnh | Quyết định | 0,5 ngày       |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                           |                                           |            | <b>15 ngày</b> |

### 15. Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho Nhà thầu nước ngoài

- Thời gian giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

| TT                              | Các bước trình tự thực hiện | Trách nhiệm                               | Sản phẩm thực hiện      | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------|-----------------------------|-------------------------------------------|-------------------------|---------------------|
| B1                              | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ | Bộ phận TN&TKQ Trung tâm phục vụ HCC tỉnh | Scan hồ sơ              | 0,5 ngày            |
| B2                              | Phòng Giám định xây dựng    | Lãnh đạo phòng                            | Ý kiến phân công thụ lý | 01 ngày             |
|                                 |                             | Chuyên viên thụ lý hồ sơ                  | Các văn bản liên quan   | 11,5 ngày           |
| B3                              | Ký duyệt                    | Giám đốc Sở                               | Quyết định              | 01 ngày             |
| B4                              | Lưu sổ và bàn giao          | Chuyên viên                               | Scan quyết định         | 0,5 ngày            |
| B5                              | Thu Lệ phí và trả kết quả   | Bộ phận TN&TKQ Trung tâm phục vụ HCC tỉnh | Quyết định              | 0,5 ngày            |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                             |                                           |                         | <b>15 ngày</b>      |

## II. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT TTHC CẤP HUYỆN, THÀNH PHỐ: 06 Quy trình.

**1. Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ**

- Thời gian thực hiện: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

| TT                              | Các bước trình tự thực hiện                     | Trách nhiệm                         | Sản phẩm thực hiện      | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------|---------------------|
| B1                              | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ                     | Bộ phận TN&TKQ cấp huyện, thành phố | Scan hồ sơ              | 0,5 ngày            |
| B2                              | Phòng chuyên môn ( <i>tên phòng thực hiện</i> ) | Lãnh đạo phòng                      | Ý kiến phân công thụ lý | 0,5 ngày            |
|                                 |                                                 | Chuyên viên thụ lý hồ sơ            | Dự thảo văn bản         | 06 ngày             |
|                                 |                                                 | Lãnh đạo phòng                      | Phê duyệt               | 01 ngày             |
| B3                              | Xem xét và ký duyệt                             | Lãnh đạo huyện, thành phố           | Giấy phép               | 01 ngày             |
| B4                              | Lưu sổ và bàn giao                              | Chuyên viên                         | Scan giấy phép          | 0,5 ngày            |
| B5                              | Thu Lệ phí và trả kết quả                       | Bộ phận TN&TKQ cấp huyện, thành phố | Giấy phép               | 0,5 ngày            |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                                                 |                                     |                         | <b>10 ngày</b>      |

**2. Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ**

- Thời gian thực hiện: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

| TT                              | Các bước trình tự thực hiện                     | Trách nhiệm                         | Sản phẩm thực hiện      | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------|---------------------|
| B1                              | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ                     | Bộ phận TN&TKQ cấp huyện, thành phố | Scan hồ sơ              | 0,5 ngày            |
| B2                              | Phòng chuyên môn ( <i>tên phòng thực hiện</i> ) | Lãnh đạo phòng                      | Ý kiến phân công thụ lý | 0,5 ngày            |
|                                 |                                                 | Chuyên viên thụ lý hồ sơ            | Dự thảo văn bản         | 06 ngày             |
|                                 |                                                 | Lãnh đạo phòng                      | Phê duyệt               | 01 ngày             |
| B3                              | Xem xét và ký duyệt                             | Lãnh đạo huyện, thành phố           | Giấy phép               | 01 ngày             |
| B4                              | Lưu sổ và bàn giao                              | Chuyên viên                         | Scan giấy phép          | 0,5 ngày            |
| B5                              | Thu Lệ phí và trả kết quả                       | Bộ phận TN&TKQ cấp huyện, thành phố | Giấy phép               | 0,5 ngày            |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                                                 |                                     |                         | <b>10 ngày</b>      |

**3. Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ**

- Thời gian thực hiện: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

| TT                              | Các bước trình tự thực hiện                     | Trách nhiệm                         | Sản phẩm thực hiện      | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------|---------------------|
| B1                              | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ                     | Bộ phận TN&TKQ cấp huyện, thành phố | Scan hồ sơ              | 0,5 ngày            |
| B2                              | Phòng chuyên môn ( <i>tên phòng thực hiện</i> ) | Lãnh đạo phòng                      | Ý kiến phân công thụ lý | 0,5 ngày            |
|                                 |                                                 | Chuyên viên thụ lý hồ sơ            | Dự thảo văn bản         | 06 ngày             |
|                                 |                                                 | Lãnh đạo phòng                      | Phê duyệt               | 01 ngày             |
| B3                              | Xem xét và ký duyệt                             | Lãnh đạo huyện, thành phố           | Giấy phép               | 01 ngày             |
| B4                              | Lưu sổ và bàn giao                              | Chuyên viên                         | giấy phép               | 0,5 ngày            |
| B5                              | Thu Lệ phí và trả kết quả                       | Bộ phận TN&TKQ cấp huyện, thành phố | Giấy phép               | 0,5 ngày            |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                                                 |                                     |                         | <b>10 ngày</b>      |

**4. Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ**

- Thời gian thực hiện: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

| TT                              | Các bước trình tự thực hiện                     | Trách nhiệm                         | Sản phẩm thực hiện      | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------|---------------------|
| B1                              | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ                     | Bộ phận TN&TKQ cấp huyện, thành phố | Scan hồ sơ              | 0,5 ngày            |
| B2                              | Phòng chuyên môn ( <i>tên phòng thực hiện</i> ) | Lãnh đạo phòng                      | Ý kiến phân công thụ lý | 0,5 ngày            |
|                                 |                                                 | Chuyên viên thụ lý hồ sơ            | Dự thảo văn bản         | 06 ngày             |
|                                 |                                                 | Lãnh đạo phòng                      | Phê duyệt               | 01 ngày             |
| B3                              | Xem xét và ký duyệt                             | Lãnh đạo huyện, thành phố           | Giấy phép               | 01 ngày             |
| B4                              | Lưu sổ và bàn giao                              | Chuyên viên                         | Scan giấy phép          | 0,5 ngày            |
| B5                              | Thu Lệ phí và trả kết quả                       | Bộ phận TN&TKQ cấp huyện, thành phố | Giấy phép               | 0,5 ngày            |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                                                 |                                     |                         | <b>10 ngày</b>      |

**5. Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ**

- Thời gian thực hiện: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

| TT                              | Các bước trình tự thực hiện                     | Trách nhiệm                         | Sản phẩm thực hiện      | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------|---------------------|
| B1                              | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ                     | Bộ phận TN&TKQ cấp huyện, thành phố | Scan hồ sơ              | 0,25 ngày           |
| B2                              | Phòng chuyên môn ( <i>tên phòng thực hiện</i> ) | Lãnh đạo phòng                      | Ý kiến phân công thụ lý | 0,5 ngày            |
|                                 |                                                 | Chuyên viên thụ lý hồ sơ            | Dự thảo văn bản         | 2,75 ngày           |
|                                 |                                                 | Lãnh đạo phòng                      | Phê duyệt               | 0,5 ngày            |
| B3                              | Xem xét và ký duyệt                             | Lãnh đạo huyện, thành phố           | Giấy phép               | 0,5 ngày            |
| B4                              | Lưu sổ và bàn giao                              | Chuyên viên                         | Scan giấy phép          | 0,25 ngày           |
| B5                              | Thu Lệ phí và trả kết quả                       | Bộ phận TN&TKQ cấp huyện, thành phố | Giấy phép               | 0,25 ngày           |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                                                 |                                     |                         | <b>05 ngày</b>      |

**6. Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ**

- Thời gian thực hiện: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

| TT                              | Các bước trình tự thực hiện                     | Trách nhiệm                         | Sản phẩm thực hiện      | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------|---------------------|
| B1                              | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ                     | Bộ phận TN&TKQ cấp huyện, thành phố | Scan hồ sơ              | 0,25 ngày           |
| B2                              | Phòng chuyên môn ( <i>tên phòng thực hiện</i> ) | Lãnh đạo phòng                      | Ý kiến phân công thụ lý | 0,5 ngày            |
|                                 |                                                 | Chuyên viên thụ lý hồ sơ            | Dự thảo văn bản         | 2,75 ngày           |
|                                 |                                                 | Lãnh đạo phòng                      | Phê duyệt               | 0,5 ngày            |
| B3                              | Xem xét và ký duyệt                             | Lãnh đạo huyện, thành phố           | Giấy phép               | 0,5 ngày            |
| B4                              | Lưu sổ và bàn giao                              | Chuyên viên                         | Scan giấy phép          | 0,25 ngày           |
| B5                              | Thu Lệ phí và trả kết quả                       | Bộ phận TN&TKQ cấp huyện, thành phố | Giấy phép               | 0,25 ngày           |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                                                 |                                     |                         | <b>05 ngày</b>      |